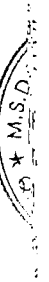


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 10 năm 2015

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Thế Viên	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên thường trực
Ông Phạm Bá Đò	Ủy viên
Ông Vũ Văn Hải	Ủy viên
Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Ông Phạm Bá Đò	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn AAGroup đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, AAGroup bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

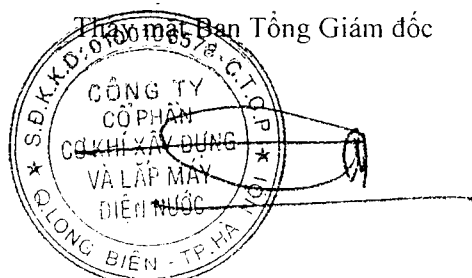
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Bá Đồ

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2017



Số: 88/2017/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập Ngày 17 tháng 04 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2016. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải trả người bán với số tiền lần lượt là 50.200.256.657 đồng, 29.683.481.739 đồng chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng liên quan. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ trên, cũng như xác định ảnh hưởng đến các khoản mục liên quan.

Do tình hình hoạt động của Công ty liên tục bị thua lỗ và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2016 đã vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu là -39.997.969.090 đồng. Bên cạnh đó, khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội đang kết dư trên sổ kế toán với số tiền là 20.867.170.454 với lãi vay phải trả tính đến ngày 30/04/2015 được ghi sổ là 15.038.330.953 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thu thập được thỏa thuận nào cho phép gia hạn khoản nợ nói trên.

Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị hoặc đơn vị phải thu hợp đáng kể quy mô hoạt động nếu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty không có sự tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và các quy định hiện hành. Theo đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày vấn đề này

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, vì ảnh hưởng trọng yếu, có tính ảnh hưởng lan tỏa đến toàn bộ Báo cáo tài chính của những vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược", Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã phản ánh không trung thực, không hợp lý với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN AAGROUP



Trần Ngọc Dũng

Chủ tịch

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2983-2016-248-1

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2017

Trần Thanh Xuân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2544-2016-248-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.104.388.390	82.388.880.296
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.984.890.410	1.789.837.322
111	1. Tiền		1.984.890.410	1.789.837.322
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.644.467.643	64.146.810.032
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	50.200.256.657	41.622.196.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.629.452.940	2.596.725.690
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		1.298.594.674	23.338.108.886
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	8.230.831.738	7.714.656.864
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.664.363.717)	(12.664.363.717)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	5	1.949.695.351	1.539.485.642
140	IV. Hàng tồn kho	6	19.297.629.463	16.452.232.942
141	1. Hàng tồn kho		19.297.629.463	16.452.232.942
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		177.400.874	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	177.400.874	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.198.297.373	13.907.013.163
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.729.629.112	-
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		22.729.629.112	-
220	II. Tài sản cố định		10.415.700.040	13.094.330.929
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.415.700.040	13.094.330.929
222	- Nguyên giá		40.291.666.632	40.521.666.632
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.875.966.592)	(27.427.335.703)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	1.541.435.706	-
231	- Nguyên giá		1.743.917.180	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(202.481.474)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7	104.454.587	104.454.587
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		104.454.587	104.454.587
260	VI. Tài sản dài hạn khác		407.077.928	708.227.647
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	407.077.928	708.227.647
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		108.302.685.763	96.295.893.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

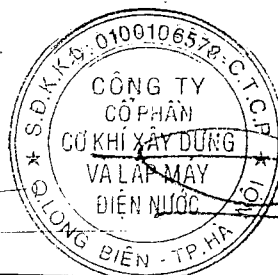
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		148.300.594.428	132.169.482.159
310	I. Nợ ngắn hạn		142.694.196.906	129.302.882.150
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	29.683.481.739	21.597.102.073
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.784.943.642	2.203.620.146
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	29.042.161.926	26.614.250.844
314	4. Phải trả người lao động		494.062.307	843.497.115
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	15.038.330.953	15.039.516.363
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		22.757.050.176	39.572.532.753
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	20.555.027.044	1.593.223.737
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	22.328.170.454	21.828.170.454
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.968.665	10.968.665
330	II. Nợ dài hạn		5.606.397.522	2.866.600.009
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	5.478.197.522	2.520.000.009
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	128.200.000	346.600.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(39.997.908.665)	(35.873.588.700)
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	(39.997.908.665)	(35.873.588.700)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		11.000.000.000	11.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.000.000.000	11.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		200.000.000	200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(51.197.908.665)	(47.073.588.700)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(47.073.588.700)	(47.073.588.700)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(4.124.319.965)	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		108.302.685.763	96.295.893.459



Người lập

Lê Huy Đăng
Kế toán trưởng

Phạm Bá Đô
Tổng Giám đốc

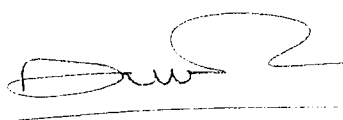
Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	56.122.218.560	72.726.639.615
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	666.000.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.122.218.560	72.060.639.615
11	4. Giá vốn hàng bán	20	49.065.310.050	66.285.171.944
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.056.908.510	5.775.467.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.421.513	6.141.320
22	7. Chi phí tài chính	22	490.473.029	236.093.665
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		489.553.795	236.093.665
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.174.656.710	8.740.558.393
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		417.200.284	(3.195.043.067)
31	11. Thu nhập khác	24	276.568.163	4.319.241.882
32	12. Chi phí khác	25	4.818.088.412	1.694.581.924
40	13. Lợi nhuận khác		(4.541.520.249)	2.624.659.958
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.124.319.965)	(570.383.109)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.124.319.965)	(570.383.109)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(3.749)	(519)


Lê Huy Đăng
Kế toán trưởngPhạm Bá Đô
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2017

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

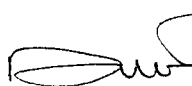
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.124.319.965)	(570.383.109)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.836.109.374	2.720.725.486
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(60.425)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		16.835.893	(483.055.081)
06	- Chi phí lãi vay		489.553.795	236.093.665
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(781.881.328)	1.903.380.961
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.227.286.723)	(12.366.373.389)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.845.396.521)	2.088.400.377
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)		11.273.934.664	12.594.232.738
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		123.748.845	(915.151.207)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(489.553.795)	(236.093.665)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(823.475.844)	(4.773.222)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.769.910.702)	3.063.622.593
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	0. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	0. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	0. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	0. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	0. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	0. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.361.088	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		25.361.088	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	0. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	0. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	1. Tiền thu từ đi vay		650.000.000	180.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(368.400.000)	(3.741.382.608)
35	2. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		281.600.000	(3.561.382.608)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.462.949.614)	(497.760.015)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.789.837.322	2.287.238.371
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		60.425	358.966




Người lập

Lê Huy Đăng
Kế toán trưởng

Phạm Bá Đồ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 10 năm 2015

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 11.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11.000.000.000 đồng

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị phụ tùng, máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị.
- Sửa chữa đóng mới ca nô, xà lan.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông và cơ khí.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành điện bao gồm: Tủ bảng điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm kiốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển và các sản phẩm cơ khí liên quan đến ngành điện.
- Chế tạo, lắp đặt công nghệ thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dầu, khí, các hệ thống gió, cấp nhiệt, điều hoà không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể.
- Chế tạo và thi công lắp đặt hệ thống cầu, đường bộ và đường sắt.
- Xây dựng, hoàn thiện và trang trí nội thất công trình, lắp đặt cơ khí, điện nước, kết cấu xây dựng và thiết bị công nghệ.
- Thi công các công trình giao thông, bến cảng, thủy lợi
- Nhận thầu thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây và trạm biến áp, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước.
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện.
- Lắp đặt hệ thống điện điều khiển, lò hơi.
- Thi công bằng phương pháp khoan bắn nổ mìn.
- Tư vấn thiết kế cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Lập dự án đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước, các công trình hạ tầng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV.

- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng.
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Chế tạo thiết bị nâng hạ.
- Chế tạo và lắp dựng cột an ten (viba).
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông.
- Kinh doanh và phát triển nhà.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị.
- Mua bán, lắp đặt thiết bị nâng và thang máy.
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng thiết bị nâng và thang máy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

11/10/16
RÁC
KIỀM
11/10/16

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10/2
N(1
HIỆP
04/1
3/1
1/1

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/....).

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.17. Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

80
3
M
N
T
10
- 5

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.19. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

HÀP
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
 Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	142.533.512	1.080.570.675
Tiền gửi ngân hàng	1.842.356.898	709.266.647
Cộng	1.984.890.410	1.789.837.322

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.200.256.657	41.622.196.667
XN Xây lắp số 2	1.084.060.705	1.084.060.705
XN LMĐN Số 3	127.955.030	127.955.030
Xí Nghiệp Cơ Khí Gia Lam	4.196.380.346	3.118.256.359
Xí nghiệp LMĐN số 5	1.166.496.366	1.178.721.286
Xí Nghiệp Đức	5.372.892.155	4.149.040.843
Xí nghiệp CKXD và GT Số 7	841.703.060	841.703.060
Xí nghiệp XL và KD Vật tư Thiết Bị	1.410.455.995	1.468.757.171
Xí Nghiệp Xây Lắp Điện Hà Nội	1.725.797.000	1.725.797.000
Trung tâm TVTK Kết Cấu Thép	999.163.213	999.163.213
Khách hàng thuê kho, nhà xưởng, Kiốt	2.482.650.679	2.639.978.239
Đội KD XNK - Ô.Nguyên	9.542.000	9.542.000
Xí nghiệp 5 cũ - Ông Mai	857.893.657	857.893.657
Đội 1 - XN 7 Cũ - Ông Bảo	674.340.303	674.340.303
Khách hàng Ông Phạm Trung Bắc	6.117.731	6.117.731
Đội XL Điện Số 4 - Nguyễn Thế Tiệp	-	482.603.582
Khách Hàng Ông Phạm Kim Cương	52.252.215	52.252.215
Xí Nghiệp Xây lắp KCT	6.557.646.712	6.391.128.197
Xí nghiệp XD Điện nước Viễn thông	1.048.142.461	1.220.857.461
Xí Nghiệp CT Thiết bị Cơ khí và Môi trường (Ông Tùng)	4.390.941.567	1.852.614.257
Đội Cơ Khí XD Cỗ Bi	-	-
Công ty	12.109.888.550	7.264.938.446
Đội Xây lắp Số 5	56.630.000	-
Các Khách Hàng Khác	5.029.306.912	5.476.475.912
Cộng	50.200.256.657	41.622.196.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề

Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	Ngắn hạn	8.230.831.738	-	7.714.656.864	-
	Tạm ứng	1.841.006.578	-	1.730.510.135	-
	Ký cược, ký quỹ	41.282.480	-	18.762.552	-
	Các khoản phải thu khác	6.348.542.680	-	5.965.384.177	-
	Cộng	8.230.831.738	-	7.714.656.864	-
		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá trị		Giá trị	
		VND		VND	
-	Tài sản khác	-	1.949.695.351	-	1.539.485.642
	Cộng		1.949.695.351		1.539.485.642

6 . HÀNG TỒN KHO

		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	1.087.105.213	-	3.214.655.781	-
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.210.524.250	-	13.237.577.161	-
	Cộng	19.297.629.463	-	16.452.232.942	-

7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
-	Xây dựng cơ bản dở dang	104.454.587	104.454.587
	Đường nước sạch 71 Cổ Bi	44.454.587	44.454.587
	Cây xăng 71 Cổ Bi	60.000.000	60.000.000
	Cộng	104.454.587	104.454.587

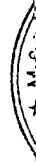
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.737.178.961	9.706.666.799	3.040.548.145	37.272.727	-	40.521.666.632
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(230.000.000)	-	-	-	(230.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.737.178.961	9.476.666.799	3.040.548.145	37.272.727	-	40.291.666.632
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.740.741.037	6.523.223.222	2.143.492.660	19.878.784	-	27.427.335.703
- Khấu hao trong kỳ	1.737.576.453	748.957.416	139.639.487	7.454.544	-	2.633.627.900
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(134.166.655)	-	-	(134.166.655)
- Giảm khác	(50.830.356)	-	-	-	-	(50.830.356)
Số dư cuối năm	20.427.487.134	7.272.180.638	2.148.965.492	27.333.328	-	29.875.966.592
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	8.996.437.924	3.183.443.577	897.055.485	17.393.943	-	13.094.330.929
Tại ngày cuối năm	7.309.691.827	2.204.486.161	891.582.653	9.939.399	-	10.415.700.040



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Bất động sản đầu tư khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	1.743.917.180	1.743.917.180
Số dư cuối năm	-	-	1.743.917.180	1.743.917.180
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	202.481.474	202.481.474
Số dư cuối năm	-	-	202.481.474	202.481.474
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	1.541.435.706	1.541.435.706

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	177.400.874	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.400.874	-
b) Dài hạn	407.077.928	708.227.647
Chi phí trả trước dài hạn khác	407.077.928	708.227.647
Cộng	584.478.802	708.227.647

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng Gia Lâm	29.683.481.739	29.683.481.739	21.597.102.073	21.597.102.073
- Công ty Cổ Phần Thương mại Citicom	10.759.027.541	10.759.027.541	9.384.679.547	9.384.679.547
- Phải trả các đối tượng khác	3.199.599.029	3.199.599.029	-	-
	15.724.855.169	15.724.855.169	12.212.422.526	12.212.422.526
	29.683.481.739	29.683.481.739	21.597.102.073	21.597.102.073
b) Phải trả người bán dài hạn				
	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.038.330.953	15.039.516.363
- Chi phí lãi vay BIDV	13.623.464.234	13.623.464.234
- Chi phí phải trả khác	1.414.866.719	1.416.052.129
Cộng	15.038.330.953	15.039.516.363

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Dài hạn	5.478.197.522	2.520.000.009
- Doanh thu nhận trước	5.478.197.522	2.520.000.009
Cộng	5.478.197.522	2.520.000.009

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.555.027.044	1.593.223.737
- Kinh phí công đoàn	390.450.706	360.713.106
- Bảo hiểm xã hội	315.724.266	114.378.432
- Bảo hiểm y tế	60.396.048	18.147.271
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.711.880	8.890.520
- Phải trả về cổ phần hoá	1.357.264.671	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.406.479.473	1.091.094.408
Cộng	20.555.027.044	1.593.223.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	21.828.170.454	-	650.000.000	150.000.000	22.328.170.454	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
- BIDV - CN Bắc Hà Nội	20.867.170.454	-	-	-	20.867.170.454	-
- Vay đối tượng khác	961.000.000	-	650.000.000	150.000.000	1.461.000.000	-
b) Vay dài hạn	346.600.000	-	-	218.400.000	128.200.000	-
- NH TMCP Quân đội	-	-	-	-	-	-
- Chi nhánh Long Biên	346.600.000	-	-	218.400.000	128.200.000	-
	22.174.770.454	-	650.000.000	368.400.000	22.456.370.454	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	11.000.000.000	-	200.000.000	-	(46.503.205.591)	(45.303.205.591)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(570.383.109)	(570.383.109)
Số dư cuối năm trước	11.000.000.000	-	200.000.000	-	(47.073.588.700)	(45.873.588.700)
Số dư đầu năm nay	11.000.000.000	-	200.000.000	-	(47.073.588.700)	(45.873.588.700)
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(4.124.319.965)	(4.124.319.965)
Số dư cuối năm nay	11.000.000.000	-	200.000.000	-	(51.197.908.665)	(39.997.908.665)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	51,54%	5.669.400.000	51,54%	5.669.400.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48,46%	5.330.600.000	48,46%	5.330.600.000
Cộng	100%	11.000.000.000	100%	11.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.000.000.000	11.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cơ khí	44.188.381.879	34.035.324.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.933.836.681	12.950.321.879
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	25.740.993.273
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong</i>	<i>-</i>	<i>25.740.993.273</i>
Cộng	56.122.218.560	72.726.639.615

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚCSố 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	666.000.000
Cộng	-	666.000.000

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động cơ khí	43.015.784.260	30.184.024.740
Giá vốn của hoạt động xây lắp	-	27.222.964.776
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.049.525.790	8.878.182.428
Cộng	49.065.310.050	66.285.171.944

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	25.361.088	5.782.354
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	60.425	358.966
Cộng	25.421.513	6.141.320

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	489.553.795	236.093.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	919.234	-
Cộng	490.473.029	236.093.665

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề

Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.869.258.245	3.876.590.870
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.470.555	78.224.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	705.656.860	1.108.049.911
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	20.241.488
Hoàn nhập dự phòng	-	(33.093.381)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	809.273.472	2.718.796.911
Chi phí khác bằng tiền	748.997.578	971.748.491
Cộng	6.174.656.710	8.740.558.393

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	53.636.364	477.272.727
Thu nhập khác	222.931.799	3.841.969.155
Cộng	276.568.163	4.319.241.882

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	95.833.345	98.955.077
Các khoản bị phạt	4.622.255.067	1.576.455.818
Chi phí khác	100.000.000	19.171.029
Cộng	4.818.088.412	1.694.581.924

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.124.319.965)	(570.383.109)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.622.255.067	-
- Chi phí không hợp lệ	4.622.255.067	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(497.935.102)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(60.425)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(497.874.677)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(570.383.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	828.249.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(4.733.222)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	823.475.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

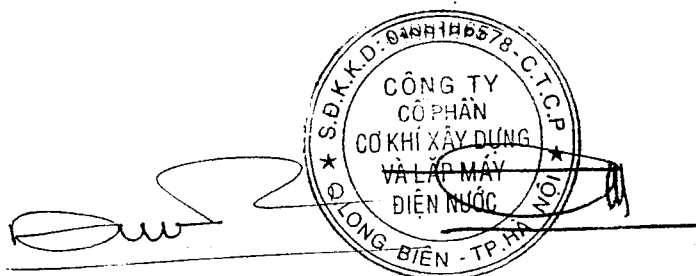
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVICO.



Người lập

Lê Huy Đăng
Kế toán trưởng

Phạm Bá Đô
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2017

